TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PA** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 07/2022/HNGĐ - ST
Ngày 18/8/2022
" Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor Pep
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Cao Thị Viễn Phương
2. Bà Phùng Thị Tố Trinh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Giang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa – Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 21/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Nh, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Quang Th, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Buôn Chư Jut, xã Chư Gu, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Nhung trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2012, chị và anh Bùi Quang Th có tìm hiểu, quen nhau và đi đến kết hôn với nhau dưới sự đồng ý của gia đình hai bên, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chư Gu, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai vào ngày 23/7/2012. Trong quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung và những mẫu thuẫn ấy càng ngày càng gay gắt. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống của vợ chồng có rất nhiều bất đồng không thể giải quyết được, anh Th luôn có hành vi bạo lực gia đình, cờ bạc, rượu chè. Chị đã cố gắng chịu đựng và các bên cố gắng hàn gắn nhưng không được, chị và anh Th đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Bùi Quang Th trước pháp luật.

Về con: Chị và anh Th có 02 con chung là Bùi Thị Mỹ D, sinh ngày 01/11/2012 và Bùi Quang Th, sinh ngày 28/12/2017. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con Bùi Thị Mỹ D, còn con Bùi Quang Th giao lại cho anh Thực được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Bùi Quang Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 31/3/2022 anh Bùi Quang Thực trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian chung sống vợ chồng và về con chung giữa anh và chị Nhung như chị Nhung trình bày là đúng sự thật, anh và chị Nh có tìm hiểu và đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2012. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh những mâu thuẫn và hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Hiện nay, tình cảm giữa anh và chị Nh không còn nữa và tình trạng này kéo dài thời gian dài. Vì vậy, anh cũng đồng ý được ly hôn theo nguyện vọng của chị Phạm Thị Nh.

Về con: Giữa anh và chị Nh có 02 con chung là Bùi Thị Mỹ D, sinh ngày 01/11/2012 và Bùi Quang Th, sinh ngày 28/12/2017. Khi ly hôn anh không đồng ý theo nguyện vọng của chị Nh, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh yêu cầu chị Nh phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/ tháng/ 2 con.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án; Nguyên đơn chị Phạm Thị Nhung và anh Bùi Quang Thực có thái độ chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật tố tụng.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án;

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Áp dụng các Điều 4, 5, 6; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 – Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Nh và anh Bùi Quang Th được ly hôn trước pháp luật.

Về con chung: Giao con chung Bùi Thị Mỹ D, sinh ngày 01/11/2012 cho chị Phạm Thị Nh được trực tiếp trông nom, chăn sóc và nuôi dưỡng, còn con Bùi Quang Th, sinh ngày 28/12/2017 giao cho anh Bùi Quang Th trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Bùi Quang Thực như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng

cứ và hòa giải, giấy triệu tập…theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Thực không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng; ở giai đoạn xét xử vụ án Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ nhưng anh nhưng anh Bùi Quang Th vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để quyết định, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Nh và anh Bùi Quang Th đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Chư Gu, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai vào năm 2012. Việc kết hôn của chị Phạm Thị Nh và anh Bùi Quang Th đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh Th và chị Nh là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau này cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt. Hiện nay chị Phạm Thị Nh và anh Bùi Quang Th đã sống ly thân một thời gian dài, không còn thương yêu, quan tâm nhau nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Ngày 01/4/2022 Tòa án đã tiến hành xác minh tại công an xã Chư Gu, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai thì được biết cuộc sống của chị Nh và anh Th đã xảy ra xô xát, nhiều lần anh Th đánh đập chị Nh dẫn đến chị Nh đã trình báo cho Công an xã về sự việc này.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Nh và anh Th đã mâu thuẫn mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau và không cùng chí hướng xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu ly hôn của chị Nh là chính đáng và có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử cần được chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Nh, xử cho chị Phạm Thị Nh được ly hôn với anh Bùi Quang Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con : Chị Nh và anh Th có 02 con chung là Bùi Thị Mỹ D, sinh ngày 01/11/2012 và Bùi Quang Th, sinh ngày 28/12/2017. Khi ly hôn chị Phạm Thị Nhung có nguyện vọng, yêu cầu được nuôi con Bùi Thị Mỹ D, còn con Bùi Quang Th giao cho anh Bùi Quang Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Xét nguyện vọng, yêu cầu của chị Nh phù hợp với nguyện vọng và mong muốn của cháu D tại biên bản hỏi ý kiến ngày 31/3/2022.

Đối với nguyện vọng và yêu cầu của anh Th được nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu chị Nh phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con là 3.000.000 đồng/ tháng, thì thấy rằng anh Th và chị Nh đều làm nghề tự do thu nhập không ổn định, đồng thời nguyện vọng, yêu cầu của anh Th không phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của cháu D nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận. Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao con chung Bùi Thị Mỹ D cho chị Phạm Thị Nh và giao con chung Bùi Quang Th cho anh Bùi Quang Th được trực tiếp trôm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, đồng thời phù hợp với điều kiện, mức thu nhập của chị Nhung và anh Thực.

[4] Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị Nh phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 – Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Nh được ly hôn với anh Bùi Quang Th trước pháp luật.

- *Về con:* Giao con chung Bùi Thị Mỹ D, sinh ngày 01/11/2012 cho chị Phạm Thị Nh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và giao con chung Bùi Quang Th, sinh ngày 28/12/2017 cho anh Bùi Quang Th được trực tiếp trôm nom , chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn các bên được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu các bên lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Các bên cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của các bên.

- Về cấp dưỡng: Các đương sự không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- *Về tài sản và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-*Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị Nhung phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0004868 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Chị Phạm Thị Nh đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Phạm Thị Nh có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/8/2022), anh Bùi Quang Th vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Krông Pa;
- UBND xã Chư Gu, huyện Krông Pa;
- Các đương sự ;
- Chi cục THADS huyện Krông Pa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ksor Pep